

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CP

Năm 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

| T<br>T | Đơn vị                                           | Tình hình giao tự chủ cho các đơn vị      |                             |                                                        |                                                   |                                                     |                                                        |                   |                                                 |                                                        | Biên chế (người) |           | Kinh phí năm 2024                                        |                                   |                       |                       |                    |                                                    |                          |                                                    |                 |                              | Kết quả về thu nhập tăng thêm 2023                      |                                        |                      |                 |                                  |                               |                               |                          |                                                          |                                            |                                              |                                                       |                                            |                                              |  |  |
|--------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------|-----------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|----------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------|-----------------|------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------|--|--|
|        |                                                  | Cơ quan cấp tỉnh                          |                             |                                                        | Cơ quan cấp huyện                                 |                                                     |                                                        | Cơ quan cấp xã    |                                                 |                                                        |                  |           | Kinh phí tự chủ                                          |                                   |                       |                       |                    |                                                    | Chỉ kinh phí tiết kiệm   |                                                    |                 |                              | Số đơn vị có hệ số thu nhập                             |                                        |                      |                 |                                  |                               |                               |                          | Cấp tỉnh, TP                                             |                                            |                                              |                                                       | Cấp quận, huyện                            |                                              |  |  |
|        |                                                  | Số lượng<br>số, ban,<br>ngành<br>cấp tỉnh | Số đơn<br>vị giao<br>tự chủ | Số đơn<br>vị đã<br>XD quy<br>chế chi<br>tiêu nội<br>bộ | Số lượng<br>cơ quan<br>chuyên<br>môn cấp<br>huyện | Số đơn<br>vị được<br>giao<br>thực<br>hiện tự<br>chủ | Số đơn<br>vị đã<br>XD quy<br>chế chi<br>tiêu nội<br>bộ | Số<br>lượng<br>xã | Số xã<br>được<br>giao<br>thực<br>hiện tự<br>chủ | Số đơn<br>vị đã<br>XD quy<br>chế chi<br>tiêu nội<br>bộ | Được<br>giao     | Có<br>mặt | Chênh<br>lệch<br>(biên<br>chế được<br>giao-hc<br>có mặt) | Tổng kinh<br>phí QLHC<br>năm 2023 | Kinh phí<br>được giao | Kinh phí<br>thực hiện | Số KP tiết<br>kiệm | % tiết<br>kiệm so<br>với KP<br>được giao<br>tự chủ | Kinh phí<br>không tự chủ | Số dv<br>TK KP<br>trên tổng<br>số đơn vị<br>tự chủ | Tổng số         | Chi thu<br>nhập tăng<br>thêm | Chi khen<br>thưởng,<br>phúc lợi,<br>trợ cấp<br>khó khăn | Quỹ Dự<br>phòng ổn<br>định thu<br>nhập | Không<br>chi<br>TNTT | Dưới 0,1<br>lần | Từ 0,1<br>đến<br>dưới 0,2<br>lần | Từ 0,2<br>đến dưới<br>0,3 lần | Từ 0,3<br>đến dưới<br>0,4 lần | Từ 0,4<br>lần trở<br>lên | Mức<br>TNTT<br>bình<br>quân/<br>tháng<br>(1.000<br>đồng) | Mức<br>TNTT cao<br>nhất<br>1000d/<br>tháng | Mức TN<br>TT thấp<br>nhất<br>1000d<br>/tháng | Mức TNTT<br>bình<br>quân/<br>tháng<br>(1.000<br>đồng) | Mức<br>TNTT<br>cao nhất<br>1000d/<br>tháng | Mức TN<br>TT thấp<br>nhất<br>1000d<br>/tháng |  |  |
|        |                                                  |                                           |                             |                                                        |                                                   |                                                     |                                                        |                   |                                                 |                                                        |                  |           |                                                          |                                   |                       |                       |                    |                                                    |                          |                                                    |                 |                              |                                                         |                                        |                      |                 |                                  |                               |                               |                          |                                                          |                                            |                                              |                                                       |                                            |                                              |  |  |
| A      | B                                                | 1                                         | 2                           | 3                                                      | 4                                                 | 5                                                   | 6                                                      | 7                 | 8                                               | 9                                                      | 10               | 11        | 12=10-<br>11                                             | 13=14+18                          | 14                    | 15                    | 16=14-15           | 17=16/14                                           | 18                       | 19                                                 | 20=21+22+<br>23 | 21                           | 22                                                      | 23                                     | 24                   | 25              | 26                               | 27                            | 28                            | 29                       | 30                                                       | 31                                         | 32                                           | 33                                                    | 34                                         | 35                                           |  |  |
|        | Tổng số                                          | 1                                         | 1                           | 1                                                      | -                                                 | -                                                   | -                                                      | -                 | -                                               | -                                                      | 46               | 43        | 3                                                        | 20.736,792                        | 8.634                 | 8.406                 | 228,27             | 3                                                  | 12.102,592               | 1,00                                               | 228,27          | 171,20                       | 45,65                                                   | 11,41                                  | -                    | 1,00            | 0                                | 0                             | 0                             | 0                        | 0                                                        | 0                                          | 0,35                                         | 0,21                                                  |                                            |                                              |  |  |
| I      | Sở Văn hoá, Thể thao và<br>Du lịch tỉnh Đắk Nông | 1                                         | 1                           | 1                                                      |                                                   |                                                     |                                                        |                   |                                                 |                                                        | 46               | 43        | 3                                                        | 20.736,792                        | 8.634,200             | 8.405,933             | 228,267            | 2,64                                               | 12.102,592               | 1,00                                               | 228,266         | 171,200                      | 45,653                                                  | 11,413                                 | -                    | 1,000           | 0                                | 0                             | 0                             | 0                        | 0                                                        | 0                                          | 0,346                                        | 0,208                                                 |                                            |                                              |  |  |

Ghi chú:

- Các Sở, Ban, ngành báo cáo chỉ tiết đến từng đơn vị trực thuộc

- UBND các huyện, thị xã báo cáo chỉ tiết đến từng đơn vị trực thuộc và các đơn vị cấp xã thuộc phạm vi quản lý